

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/HS-ST
Ngày 19/03/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Nguyệt, nghề nghiệp: Nguyên Trưởng ban, Ban pháp chế Hội đồng nhân dân huyện H, tỉnh Hà Giang.

2. Bà Triệu Thị Liên, nghề nghiệp: Nguyên Phó Trưởng phòng, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện H, tỉnh Hà Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Là Cáo - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 19/03/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tuyên Quang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 07/2026/TLST-HS ngày 10/02/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2026/QĐXXST-HS ngày 04/03/2026 đối với bị cáo:

HÙ VĂN K; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 27/10/2008 tại xã Th, tỉnh Tuyên Quang; căn cước công dân số: 002208005247 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an cấp ngày 19/04/2023. Nơi cư trú: Thôn N, xã Th, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hù Seo Tân, sinh năm 1984 và bà: Giàng Thị R, sinh năm 1975; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự: Ngày 13/8/2024, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Giang ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng số: 01/QĐ-TA đối với Hù Văn K, thời hạn là 12 tháng, đến ngày 20/7/2025 chấp hành xong (*chưa hết thời hạn được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính*); nhân thân:

+ Ngày 18/10/2023 bị Công an xã Th1, huyện H, tỉnh Hà Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 05/QĐ-XPHC về hành vi Trộm cắp tài sản bằng hình thức xử phạt Cảnh cáo (*đã được xóa*);

+ Ngày 31/10/2023 bị Công an xã Th1, huyện H, tỉnh Hà Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPHC về hành vi Trộm cắp tài sản bằng hình thức xử phạt Cảnh cáo (*đã được xóa*);

+ Ngày 01/6/2024 bị Công an xã Th1, huyện H, tỉnh Hà Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03/QĐ-XPHC về hành vi Trộm cắp tài sản bằng hình thức xử phạt Cảnh cáo (đã được xóa).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/12/2025 đến nay tại xã Th, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- *Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Hồ Văn K:* Bà Giàng Thị R, sinh năm: 1975, địa chỉ: Thôn N, xã Th, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn K:* Ông Nguyễn Xuân G – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- *Người làm công tác xã hội trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên:* Ông Ly Seo V, sinh năm: 1987, chức vụ: Trưởng phòng, Phòng Văn hóa – Xã hội xã Th, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- *Đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã Th, tỉnh Tuyên Quang:* Ông Lù Xuân V – Chức vụ: Bí thư Đoàn. Vắng mặt.

- *Bị hại:* Ông Giàng Văn Ch, sinh năm: 1984, địa chỉ: Thôn N, xã Th, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lù Văn L, sinh năm: 1992, địa chỉ: Thôn N, xã Th, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Giàng Văn Th2, anh Sải Văn Th3. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 11/2025, Hồ Văn K, sinh năm 27/8/2008, trú tại thôn Nậm Dế, xã Th, tỉnh Tuyên Quang đến ở cùng cậu ruột là Giàng Văn Ch, sinh năm 1984, trú cùng thôn K. Trong thời gian ở nhà Ch, K quan sát thấy con trai của Ch là Giàng Văn Th2, sinh năm 2002, ở cùng nhà với Chiến thường mở tủ nhựa để quần áo kê ở góc nhà lấy tiền ra chi tiêu, K biết trong tủ có tiền nên đã nảy sinh ý định trộm cắp để mua điện thoại. Khoảng 08 giờ ngày 18/11/2025, thấy nhà Ch không có ai ở nhà nên K dùng tay kéo cánh cửa tủ quần áo nhà Ch làm chốt khóa bung ra, thấy có một tập tiền bao gồm các tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng và 500.000 đồng để ở trên bề mặt của ngăn tủ. K lấy trộm 3.000.000 đồng gồm 06 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng rồi giấu vào túi áo bên trái đang mặc, sau đó K đi lên đồi dắt bò về chuồng và ăn cơm cùng gia đình Ch. Đến khoảng 08 giờ ngày 19/11/2025, K đi bộ về nhà K tại thôn N, xã Th, tỉnh Tuyên Quang, trên đường về K giấu 2.500.000 đồng vào trong giày đang đeo. Khi về đến nhà K gặp mẹ là Giàng Thị R, sinh năm 1975, trú cùng thôn đang ở nhà, K đưa cho R số tiền 500.000 đồng và nói số tiền này là của K nhặt được ở đường, R nhận tiền và không hỏi gì thêm. Khoảng 09 giờ cùng ngày, Ch mở tủ lấy tiền để trả công thợ thì phát hiện bị mất số tiền 3.000.000 đồng, Ch nghi ngờ K lấy trộm tiền nên gọi con trai là Th và Sải Văn Th3, sinh năm 2007, trú cùng thôn đi đến nhà K hỏi K có được

lấy tiền của Ch không. Khi đến nhà K, Ch hỏi K có được lấy số tiền 3.000.000 đồng không, K thừa nhận được lấy trộm tiền ở trong tủ quần áo của gia đình Ch vào sáng ngày 18/11/2025, K đã trả lại Ch số tiền 2.500.000 đồng, còn R cũng lấy số tiền 500.000 đồng mà K đưa trước đó trả lại Ch. Sau đó, Ch, Th2 và Th3 đi về nhà. Ngày 21/11/2025, Ch mang số tiền 3.000.000 đồng trên trả công thợ cho Lù Văn L, sinh năm 1992, trú tại thôn Ng, xã Th, tỉnh Tuyên Quang. Ngày 26/11/2025, Ch đến Công an xã Th, tỉnh Tuyên Quang tố giác hành vi phạm tội của Hù Văn K.

Tại bản Kết luận giám định số 1696/KL-KTHS ngày 11/12/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: “06 (sáu) tờ tiền Việt Nam cần giám định đều là tiền thật” (bút lục số 79).

Trước cơ quan điều tra, bị cáo Hù Văn K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thể hiện tại các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo (từ bút lục số 50 đến bút lục số 60), Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại (từ bút lục số 61 đến bút lục số 64), lời khai của người làm chứng (từ bút lục số 65 đến bút lục số 77), phù hợp với Kết luận giám định (bút lục số 79), phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường (từ bút lục số 43 đến số 49), kết quả thực nghiệm điều tra (từ bút lục số 100 đến số 124) và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

* Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đã tạm giữ vật chứng: số tiền 3.000.000 đồng của Lù Văn L. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đã chứng minh làm rõ số tiền 3.000.000 đồng là tiền Giàng Văn Ch trả công thợ cho L thuộc sở hữu hợp pháp của Lù Văn L. Xét thấy việc xử lý vật chứng không ảnh hưởng đến kết quả điều tra, do vậy Cơ quan điều tra đã tiến hành trao trả cho chủ sở hữu vào ngày 30/01/2026.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Giàng Văn Ch và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lù Văn L không có yêu cầu bị cáo Hù Văn K bồi thường gì thêm, nên không xem xét giải quyết.

Tại Cáo trạng số 10/CT-VKSKV6 ngày 09/02/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Tuyên Quang truy tố bị cáo Hù Văn K về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với bản kết luận giám định, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, các vật chứng thu giữ và tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Kiên, sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Hù Văn K phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 124, khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên. Xử phạt bị cáo Hù Văn K từ 08 (*Tám*) tháng đến 12 (*Mười hai*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 (*Mười sáu*) tháng đến 24 (*Hai mươi bốn*) tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo Hù Văn K không có ý kiến đối đáp lại với luận tội và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Tuyên Quang.

* Người bào chữa cho bị cáo Hù Văn K: Nhất trí với điều luật áp dụng và tội danh đối với bị cáo Hù Văn K. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 119, Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử bị cáo từ 06 (*Sáu*) đến 09 (*Chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (*Mười hai*) đến 18 (*Mười tám*) tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự do bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề nghị giải quyết. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án đề nghị miễn toàn bộ án phí cho bị cáo Hù Văn K.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của bị cáo là sai trái, vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thấy rằng: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án của Điều tra viên, kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ định tội và định khung hình phạt đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Hù Văn K đã khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn

phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra (*bút lục 50 - 60*), lời khai của bị hại (*bút lục 61 - 64*), lời khai của người làm chứng (*bút lục 65 - 77*) và các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 18/11/2025, Hù Văn K, sinh ngày 27/10/2008, trú tại thôn N, xã Th, tỉnh Tuyên Quang trộm cắp số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) của ông Giàng Văn Ch, sinh năm 1984, trú tại thôn N, xã Th, tỉnh Tuyên Quang để trong tủ đựng quần áo của nhà Ch. Hành vi của bị cáo Hù Văn K đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự: Trộm cắp tài sản:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a, ...”

[3] Như vậy Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Tuyên Quang truy tố bị cáo Hù Văn K về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, đề nghị mức hình phạt như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo được 17 (*Mười bảy*) tuổi 00 (*Không*) tháng 23 (*Hai mươi ba*) ngày là người chưa thành niên, bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm nhằm mục đích răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa tội phạm nói chung cho xã hội.

[5] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo các điều 115, 124 Luật tư pháp người chưa thành niên.

[6] Về nhân thân, xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng đối với bị cáo theo Luật tư pháp người chưa thành niên: Bị cáo Hù Văn K có nhân thân xấu: Đã 03 (*Ba*) lần bị Công an xã Th1, huyện H, tỉnh Hà Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính cùng về hành vi Trộm cắp tài sản bằng hình thức xử phạt Cảnh cáo, sau đó bị Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Giang ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng. Bị cáo ở địa phương chỉ học hết lớp 6 rồi bỏ học, không chịu khó học tập, rèn luyện, vi phạm Điều 37, Điều 41 Luật trẻ em. Bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, điều đó thể hiện thái độ ý thức coi thường pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng theo các điều 34, 35, 36, 37 Luật tư pháp người chưa thành niên

đối với bị cáo không bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa, do đó không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng đối với bị cáo Hù Văn K.

[7] Về tiền án, tiền sự, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án; tiền sự: Bị cáo có 01 tiền sự. Ngày 13/8/2024, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Giang ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng số 01/QĐ-TA đối với Hù Văn K, thời hạn là 12 tháng (*Chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính*). Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hù Văn K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hù Văn K được áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Luật tư pháp người chưa thành niên.

[8] Về quan điểm của người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo các điểm h, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 8, khoản 9 Điều 2 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 và Điều 52 Bộ luật hình sự nhận thấy rằng, bị cáo đã chiếm đoạt được số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) của bị hại, như vậy tội phạm đã được thực hiện, gây ra thiệt hại vật chất cho bị hại xảy ra trên thực tế với giá trị thiệt hại lớn hơn so với mức khởi điểm định lượng bằng tiền mà Điều luật quy định về tội phạm này. Bên cạnh đó, với nhân thân và tiền sự của bị cáo như đã nhận định tại các mục [6], [7] nêu trên thể hiện rằng bị cáo đã cố ý lặp lại cùng một hành vi Trộm cắp tài sản nhiều lần, nên ở lần phạm tội này bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội lần đầu nữa, do đó Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm h, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

[9] Về hình phạt áp dụng: Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 12, Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên để cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương là đủ sức răn đe, phòng ngừa tội phạm và phù hợp với chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự và Luật tư pháp người chưa thành niên.

[10] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hù Văn K là người chưa thành niên phạm tội.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Hù Văn K và bà Giàng Thị R đã trả lại cho bị hại Giàng Văn Ch với số tiền là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Ông Ch và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lù Văn L không có yêu cầu bị cáo Hù

Văn K bồi thường gì thêm. Như vậy phần trách nhiệm dân sự trong vụ án đã thực hiện xong, Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Biện pháp tư pháp và về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) là tiền bị cáo Hù Văn K trộm cắp được của bị hại Giàng Văn Ch, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đã chứng minh làm rõ số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) là tiền Giàng Văn Ch trả công thợ cho Lương thuộc sở hữu hợp pháp của Lù Văn L. Xét thấy việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang không ảnh hưởng đến kết quả điều tra, do vậy Cơ quan điều tra đã tiến hành trao trả cho chủ sở hữu vào ngày 30/01/2026. Hội đồng xét xử xét thấy đây là số tiền bị người phạm tội chiếm đoạt được của bị hại nên không tịch thu mà trả lại cho chủ sở hữu anh Lù Văn L là phù hợp, được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[13] Về án phí: Bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[14] Bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 331, Điều 333, Điều 336, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 12, khoản 1 Điều 119, Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Hù Văn K phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hù Văn K 11 (*Mười một*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 22 (*Hai mươi hai*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (*Ngày 19/3/2026*). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hù Văn K.

Giao bị cáo Hù Văn K cho Ủy ban nhân dân xã Th, tỉnh Tuyên Quang phối hợp cùng với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có tình vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Bị cáo Hù Văn K được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 6 - Tuyên Quang;
- Ủy ban nhân dân xã Th, tỉnh Tuyên Quang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS - BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Khánh